

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 132/QĐ-ĐHTĐ, ngày 25 tháng 3 năm 2020 của

Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô)

- Tên chương trình : Kinh doanh quốc tế
- Trình độ đào tạo : Đại học
- Ngành đào tạo : Kinh doanh quốc tế
- Mã số : 7340120
- Loại hình đào tạo : Chính quy (4 năm)

### 1 MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

#### 1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Kinh doanh Quốc tế theo hướng ứng dụng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, có kiến thức, có tư duy khoa học tổng hợp về kinh tế, quản trị, quản lý và các kỹ năng chuyên sâu kinh doanh quốc tế ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ, ở các hãng, các tập đoàn, ở các công ty đa quốc gia và xuyên quốc gia.

#### 1.2 Mục tiêu cụ thể

##### *Kiến thức:*

Vận dụng được các kiến thức đại cương, cơ sở và chuyên ngành để giải quyết độc lập, sáng tạo trong lĩnh vực kinh doanh Quốc tế

##### *Kỹ năng:*

- Có kỹ năng phân tích thị trường, ra các quyết định trong kinh doanh quốc tế.
- Lập được kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, điều khiển và quản lý những hoạt động kinh doanh trong môi trường Quốc tế.
- Có các kỹ năng nghiệp vụ về kinh doanh quốc tế.
- Có kỹ năng Giao tiếp, xử lý tình huống trong kinh doanh.
- Có khả năng tìm kiếm các cơ hội thị trường trên thế giới
- Có khả năng nghiên cứu độc lập về vấn đề chuyên môn.
- Sử dụng được một số công cụ tin học trong hoạt động kinh doanh quốc tế.
- Sử dụng được tối thiểu một ngoại ngữ đạt trình độ bậc 3 (Tương đương B1 khung năng lực ngoại ngữ chuẩn Châu Âu) để nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

- Có kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm một cách hiệu quả.

**Thái độ:**

- Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của công việc.
- Có tinh thần trách nhiệm, luôn chủ động, sáng tạo trong công việc được giao.
- Có ý thức chấp hành pháp luật kinh doanh Quốc tế.
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp;

## **2. CHUẨN ĐẦU RA**

### **2.1. Kiến thức**

**LO1.** Nắm vững những kiến thức cơ bản về chính trị, cơ chế vận hành của nền kinh tế, hiểu biết luật pháp và chính sách đối ngoại của Đảng và nhà nước, toán-tin, khoa học xã hội, tự nhiên, tài chính, kế toán....;

**LO2.** Nắm vững và vận dụng các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về nghiệp vụ Kinh doanh quốc tế, bảo hiểm ngoại thương, thương mại quốc tế; công cụ, chính sách ngoại thương và đối ngoại với các tổ chức liên kết kinh tế quốc tế; đầu tư quốc tế, thanh toán quốc tế và quản trị tài chính trong các công ty đa quốc gia;

**LO3.** Đánh giá các phương pháp thiết kế thực nghiệm, thu thập, phân tích và xử lý dữ liệu, các phần mềm ứng dụng cơ bản trong quản lý, điều hành hệ thống và Kinh doanh quốc tế

**LO4.** Phân tích, mô hình hóa và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành Kinh doanh quốc tế;

**LO5.** Phân tích và lập kế hoạch hàng dự trữ; lập được phương án với hệ thống phân phối và quản lý kho hàng; xây dựng và giám sát kế hoạch vận tải, kế hoạch mua hàng; áp dụng được các loại hình công nghệ thông tin phù hợp.

### **2.2. Về kỹ năng:**

#### **2.2.1 Kỹ năng chuyên môn**

**LO6.** Kỹ năng phân tích, đánh giá và thực hiện công việc tác nghiệp liên quan đến kỹ năng xây dựng và triển khai các dự án, kế hoạch trong lĩnh vực Kinh doanh quốc tế tại Việt Nam.

**LO7.** Kỹ năng giao tiếp, đàm phán - thương lượng, xử lý và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống của doanh nghiệp/ tổ chức.

**LO8.** Kỹ năng hoạch định, tổ chức, điều hành, kiểm tra, kiểm soát các vấn đề liên quan đến thiết lập các giải pháp mới trong hoạt động Kinh doanh quốc tế theo xu hướng phát triển chung của xã hội và tiến bộ khoa học công nghệ.

### **2.2.2 Kỹ năng mềm**

**LO9.** Sử dụng tốt ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và tin học tương đương trình độ Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao.

**LO10.** Sử dụng hiệu quả các kỹ năng mềm (giao tiếp, làm việc nhóm, viết - đọc và trình bày, thuyết trình, đàm phán thương lượng, ...) vào công việc thực tế.

**LO11.** Tư duy, nhận thức và giải quyết vấn đề mang tính độc lập cao.

**LO12.** Người học có thể tự khởi sự kinh doanh và tạo việc làm cho người khác.

### **2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm:**

**LO13.** Tạo cho người học có phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức, sức khỏe tốt, và có trách nhiệm với xã hội; có ý thức tổ chức kỷ luật, lối sống văn minh, tác phong công nghiệp và có ý thức rèn luyện sức khỏe để phục vụ ngành nghề;

**LO14.** Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, luôn chủ động, sáng tạo đáp ứng yêu cầu của công việc.

**LO15.** Có khả năng làm việc độc lập, trách nhiệm, sáng tạo, trung thực, ý thức chấp hành pháp luật của nhà nước và có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

### **2.4. Cơ hội nghề nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp có khả năng:

- Làm việc tại các tổ chức, doanh nghiệp liên quan đến xuất nhập khẩu; các tập đoàn, tổng công ty; các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; văn phòng đại diện và các chi nhánh của công ty nước ngoài tại Việt Nam; các cơ quan đại diện thương mại của Việt Nam ở nước ngoài; các công ty liên doanh quốc tế, các tổ chức quốc tế; các hiệp hội nghề nghiệp; các công ty tư vấn.

- Vị trí việc làm chủ yếu: chuyên viên/phân tích/quản lý xu hướng của nền kinh tế khu vực và thế giới dựa trên những thay đổi về nguồn lực và các thay đổi chính sách của các quốc gia có liên quan.

- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo.

- Nâng cao trình độ sau đại học (bậc thạc sỹ và tiến sỹ) các chuyên ngành kinh tế và quản trị kinh doanh tại các cơ sở đào tạo trong nước và ngoài nước.

### **2.5 Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường**

Cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế có trình độ kiến thức chuyên môn đủ khả năng để:

- Tiếp tục học các chương trình sau đại học trong và ngoài nước;
- Tham dự các khóa đào tạo, hội thảo chuyên đề kinh doanh quốc tế trong và ngoài nước để cập nhật kiến thức, trao đổi kinh nghiệm, nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn.

### **3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm**

**4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 141 tín chỉ** (Bao gồm cả Giáo dục thể chất (3TC tiết) và Giáo dục Quốc phòng (8TC).

### **5. THÔNG TIN TUYỂN SINH:**

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Tây Đô. Công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương;
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo;
- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

#### **6.1 Quy trình đào tạo:**

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Đô), tạo điều kiện để sinh viên tích cực, chủ động thích ứng với quy trình đào tạo để đạt được những kết quả tốt nhất trong học tập, rèn luyện.

Chương trình đào tạo được thiết kế 10 học kỳ tương ứng với 3,5 năm học, gồm 141 tín chỉ. Trong đó thời gian học tập chính thức 3,5 năm, thời gian học tập tối đa 7 năm.

Mỗi năm học được chia thành 3 học kỳ chính.

#### **6.2 Điều kiện tốt nghiệp:**

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Đô) và Quy định các kỹ năng chuẩn đầu ra cho sinh viên trường Đại học Tây Đô.

- a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- b) Tích lũy đủ số tín chỉ, học phần quy định theo chương trình đào tạo;
- c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;
- d) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – an ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất.

- e) Đạt chuẩn kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và được cấp chứng chỉ theo quy định nhà trường.
- f) Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

## 7. THANG ĐIỂM

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trường trường Đại học Tây Đô).

**Bảng 3. Thang điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần:**

Xếp loại học phần	Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
Xuất sắc	9,0–10,0	A	4,0
Giỏi	8,0–8,9	B+	3,5
Khá	7,0–7,9	B	3,0
Trung bình Khá	6,5–6,9	C+	2,5
Trung bình	5,5–6,4	C	2,0
Trung bình Yếu	5,0–5,4	D+	1,5
Yếu	4,0–4,9	D	1,0
Kém	nhỏ hơn 4,0	F	0,0

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

$A$ : là ĐTBCHK, ĐTB CNH hoặc ĐTBCTL.

$a_i$ : là điểm của học phần thứ  $i$ .

$n_i$ : là số tín chỉ của học phần thứ  $i$ .

$n$ : là tổng số học phần.

## 8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

STT	KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ
1	Kiến thức giáo dục đại cương	46

2	<b>Kiến thức giáo dục chuyên ngành</b>	<b>83</b>
	- Kiến thức cơ sở ngành	26
	- Kiến thức chuyên ngành	39
	- Tự chọn	18
3	<b>Thực tập tốt nghiệp và khóa luận/ tiểu luận và học bổ sung</b>	<b>12</b>
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>141</b>

STT	Tên học phần	Số TC		
		Số TC	LT	BT/TH
<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>		<b>52</b>	<b>35</b>	<b>17</b>
1	Triết học Mac - Lênin	3	3	
2	Kinh tế chính trị Mac - Lênin	2	2	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	
4	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	2	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
6	Pháp luật đại cương	2	2	
7	Luật kinh tế	2	2	
8	Tiếng Anh định hướng TOEIC 1	4	4	
9	Tiếng Anh định hướng TOEIC 2	4	4	
10	Tin học căn bản	3		3
11	Giáo dục thể chất 1	1		1
12	Giáo dục thể chất 2	1		1
13	Giáo dục thể chất 3	1		1
14	Giáo dục quốc phòng	8		8
15	Toán cao cấp	3	3	
16	Toán kinh tế	3	2	1
17	Thống kê kinh doanh	3	2	1
<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>77</b>	<b>45</b>	<b>32</b>
<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>25</b>	<b>15</b>	<b>10</b>
1	Kinh tế vi mô	3	2	1
2	Kinh tế vĩ mô	3	2	1

3	Kinh tế quốc tế	3	2	1
4	Nguyên lý Marketing	3	2	1
5	Nguyên lý kế toán	3	2	1
6	Quản trị học	3	2	1
7	Thuế	2	1	1
8	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
9	Phân tích định lượng trong kinh doanh	3	2	1
<b>Kiến thức ngành</b>		<b>52</b>	<b>30</b>	<b>22</b>
<b>Phần bắt buộc</b>		<b>37</b>	<b>20</b>	<b>17</b>
1	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	3	
2	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	3	
3	Quản trị cung ứng và logistic	3	2	1
4	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3	2	1
5	Đầu tư quốc tế	2	1	1
6	Tài chính quốc tế	2	1	1
7	Nghiệp vụ hải quan	3	2	1
8	Thanh toán quốc tế	3	2	1
9	Luật thương mại quốc tế	3	2	1
10	Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế	3	2	1
11	Vận tải bảo hiểm ngoại thương	3	2	1
12	Lý thuyết và chính sách thương mại Quốc tế	3	3	
13	Thực tập nghề nghiệp	4		4
<b>Phần tự chọn</b>		<b>15</b>	<b>10</b>	<b>5</b>
1	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	3	2	1
2	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh quốc tế	3	2	1
3	Lập và phân tích dự án	3	2	1
4	Kinh tế đối ngoại	2	3	
5	Quản trị chiến lược	3	2	1
6	Quản trị tài chính	3	2	1
7	Quản trị nguồn nhân lực	3	2	1

8	Luật sở hữu trí tuệ	2	2	
9	Quản trị sản xuất	3	2	1
10	Quản trị chất lượng	3	2	1
11	Quản trị thương hiệu	3	2	1
12	Quản trị rủi ro	3	2	1
13	Quản trị Marketing	3	2	1
14	Quản trị sự thay đổi	2	2	
15	Nghiên cứu Marketing	3	2	1
16	Tiếp thị số (Internet Marketing)	3	2	1
17	Marketing quốc tế	2	2	
18	Truyền thông marketing	3	2	1
19	Marketing công nghiệp	2	1	1
20	Quản trị doanh nghiệp	2	1	1
21	Khởi sự kinh doanh	2	1	1
22	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	1	1
23	Quản trị kinh doanh quốc tế	2	1	1
24	Hợp đồng thương mại quốc tế	2	1	1
<b>Kiến thức tốt nghiệp</b>		<b>12</b>	<b>2</b>	<b>10</b>
1	Thực tập tốt nghiệp	4		4
2	2.1 Thực hiện khóa luận tốt nghiệp	8		8
	2.2 Thực hiện tiểu luận tốt nghiệp và học 02 học phần thay thế			
	2.2.1 Thực hiện tiểu luận tốt nghiệp	4		4
	2.2.2 Học phần thay thế (sinh viên chọn 2 học phần trong những học phần tự chọn)	4	2	2
<b>Tổng cộng</b>		<b>141</b>	<b>82</b>	<b>59</b>

## 9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY DỰ KIẾN HỌC KỲ 1

TT	Tên học phần	Số tín chỉ				
		Tổng số	LT	Tiết	TH	Tiết
1	Pháp luật đại cương	2	2	30		



TT	Tên học phần	Số tín chỉ				
		Tổng số	LT	Tiết	TH	Tiết
2	Tin học căn bản	3	3		3	90
3	Giáo dục thể chất 1	1			1	30
4	Toán cao cấp	3	3	45		
5	Quản trị học	3	2	30	1	30
6	Giáo dục quốc phòng	8			8	240
<b>Tổng</b>		<b>22</b>	<b>10</b>	<b>105</b>	<b>13</b>	<b>390</b>

## HỌC KỲ 2

TT	Tên học phần	Số tín chỉ				
		Tổng số	LT	Tiết	TH	Tiết
1	Nguyên lý Marketing	3	2	30	1	30
2	Triết học Mac - Lênin	3	3	45	0	0
3	Luật kinh tế	2	2	30	0	0
4	Tiếng Anh định hướng TOEIC 1	4	4	60	0	0
5	Giáo dục thể chất 2	1			1	30
6	Thống kê kinh doanh	3	2	30	1	30
7	Kinh tế vi mô	3	2	30	1	30
<b>Tổng</b>		<b>19</b>	<b>15</b>	<b>225</b>	<b>4</b>	<b>120</b>

## HỌC KỲ 3

TT	Tên học phần	Số tín chỉ				
		Tổng số	LT	Tiết	TH	
1	Nguyên lý kế toán	3	2	30	1	30
2	Kinh tế chính trị Mac - Lênin	2	2	30	0	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	30	0	
4	Tiếng Anh định hướng TOEIC 2	4	4	60	0	
5	Giáo dục thể chất 3	1			1	30
6	Kinh tế vĩ mô	3	2	30	1	30
7	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2	1	15	1	30
<b>Tổng</b>		<b>17</b>	<b>13</b>	<b>195</b>	<b>4</b>	<b>120</b>

**HỌC KỲ 4**

TT	Tên học phần	Số tín chỉ				
		Tổng số	LT	Tiết	TH	Tiết
1	Thuế	2	1	15	1	30
2	Toán kinh tế	3	2	30	1	30
3	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	2	30	0	
4	Kinh tế quốc tế	3	2	30	1	30
5	Phân tích định lượng trong kinh doanh	3	2	30	1	30
6	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	3	45		
7	Luật thương mại quốc tế	3	2	30	1	30
<b>Tổng</b>		<b>19</b>	<b>14</b>	<b>210</b>	<b>5</b>	<b>150</b>

**HỌC KỲ 5**

TT	Tên học phần	Số tín chỉ				
		Tổng số	LT	Tiết	TH	Tiết
<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>11</b>	<b>7</b>	<b>105</b>	<b>4</b>	<b>120</b>
1	Lý thuyết và chính sách thương mại Quốc tế	3	2	30	1	30
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1	15	1	30
3	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	2	30	1	30
4	Thanh toán quốc tế	3	2	30	1	30
<b>Học phần tự chọn</b>		<b>6</b>				
5	Quản trị sản xuất	3	2	30	1	30
6	Nghiên cứu Marketing	3	2	30	1	30
8	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	3	3	45		
9	Thị trường tài chính	2	2	30		
10	Lý thuyết bảo hiểm	2	2	30		
7	Kinh tế đối ngoại	3	3	45		
8	Luật sở hữu trí tuệ	2	2	30		
<b>Tổng</b>		<b>17</b>				

## HỌC KỲ 6

TT	Tên học phần	Số tín chỉ				
		Tổng số	LT	Tiết	TH	Tiết
<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>12</b>	<b>6</b>	<b>90</b>	<b>7</b>	<b>210</b>
1	Quản trị cung ứng và logistic	3	2	30	1	30
2	Thực tập nghề nghiệp	4			4	120
3	Nghiệp vụ hải quan	3	2	30	1	30
4	Vận tải bảo hiểm ngoại thương	3	2	30	1	30
<b>Học phần tự chọn</b>		<b>3</b>	<b>2</b>	<b>30</b>	<b>1</b>	<b>30</b>
5	Quản trị tài chính	3	2	30	1	30
6	Quản trị nguồn nhân lực	3	2	30	1	30
7	Quản trị chất lượng	3	2	30	1	30
8	Quản trị Marketing	3	2	30	1	30
9	Quản trị sự thay đổi	2	2	30		
10	Tiếp thị số (Internet Marketing)	3	2	30	1	30
11	Marketing quốc tế	2	2	30		
12	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh quốc tế	3	3	45		
13	Truyền thông marketing	3	2	30	1	30
14	Hợp đồng thương mại quốc tế	3	2	30	1	30
<b>Tổng</b>		<b>18</b>				

## HỌC KỲ 7

TT	Tên học phần	Số tín chỉ				
		Tổng số	LT	Tiết	TH	Tiết
<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>12</b>	<b>8</b>	<b>120</b>	<b>4</b>	<b>120</b>
1	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3	2	30	1	30
2	Đầu tư quốc tế	3	2	30	1	30
3	Tài chính quốc tế	3	2	30	1	30
4	Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế	3	2	30	1	30

<b>Học phần tự chọn</b>		<b>6</b>				
5	Lập và phân tích dự án	3	2	30	1	30
6	Quản trị chiến lược	3	2	30	1	30
7	Quản trị thương hiệu	3	2	30	1	30
8	Quản trị rủi ro	3	2	30	1	30
9	Marketing công nghiệp	2	1	15	1	30
10	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	1	15	1	30
<b>Tổng</b>		<b>18</b>				

## HỌC KỲ 8

TT	Tên học phần	Số tín chỉ				
		Tổng số	LT	Tiết	TH	Tiết
<b>Tốt nghiệp</b>						
1	Thực tập tốt nghiệp	4			4	120
2	2.1 Thực hiện khóa luận tốt nghiệp	8			8	240
	2.2 Thực hiện tiểu luận tốt nghiệp	4			4	120
	Quản trị doanh nghiệp	2	1	15	1	30
	Khởi sự kinh doanh	2	1	15	1	30
	Quản trị kinh doanh quốc tế	2	1	15	1	30
<b>Tổng</b>		<b>12</b>				

Ghi chú: \*\*: Các học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy

## 10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình chi tiết đào tạo Cử nhân Kinh Doanh Quốc Tế hệ chính quy gồm 141 tín chỉ (kể cả Giáo dục quốc phòng - An ninh và Giáo dục thể chất); trong đó có 46 tín chỉ Kiến thức giáo dục đại cương, 83 tín chỉ Kiến thức chuyên nghiệp và 12 tín chỉ tốt nghiệp. Việc triển khai chi tiết thực hiện chương trình và giám sát chất lượng chuyên môn do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo thực hiện.

Phần nội dung chương trình bắt buộc: Trường Đại học Tây Đô chỉ đạo Khoa Quản trị kinh doanh phải tổ chức thực hiện giảng dạy đủ khối lượng đã quy định.

Phần nội dung chương trình tự chọn: tùy theo số đông sinh viên lựa chọn chủ đề của phần tự chọn để học đủ số lượng theo quy định. Đối với học kỳ cuối khóa, sinh viên có thể học thêm 4 TC và làm tiểu luận nếu không làm khóa luận tốt nghiệp.

Kế hoạch sắp xếp nội dung và quỹ thời gian: Khoa Quản trị kinh doanh sẽ chủ động bố trí và điều chỉnh các học phần của các học kỳ và phải bảo đảm tính logic và tính hệ thống của chương trình đào tạo theo trình tự để sinh viên học các học phần thuộc kiến thức giáo dục đại cương trước khi học các môn chuyên ngành. Phòng Đào tạo và Khoa Quản trị kinh doanh sẽ sắp xếp chương trình và triển khai thực hiện theo chương trình chi tiết đã được duyệt.

Cách quy đổi giờ:

Giờ quy đổi được tính như sau:

1 tín chỉ = 15 tiết giảng lý thuyết

= 30 đối với học phần thực tập/ thực hành

= 60 thực tập tốt nghiệp tại đơn vị thực tập

Số tiết của các học phần là bội số của 15.

### **10.1. Đối với các đơn vị đào tạo**

- Phải nghiên cứu chương trình để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.

- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.

- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.

- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần..

### **10.2. Đối với giảng viên**

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Tổ chức cho sinh viên các buổi hội thảo, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành ngôn ngữ, và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

### 10.3. Đối với sinh viên

- Tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ.
- Nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.
- Đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.
- Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.
- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp.
- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

HIỆU TRƯỞNG



*Trần Long Luận*